TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 40/HNGĐ – ST
Ngày: 07/7/2023
V/v "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Ngân
2. Ông Điểu Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước: Ông Cao Thanh Nam – kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1986 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
Chỗ ở: Ấp T, xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà Đ và ông Phạm Văn T tự nguyện chung sống với nhau năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L H, huyện Bù Gia Mập. Trước khi kết hôn tìm hiểu khoảng 01 năm. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay nhận thấy không thể sống chung được nữa nên bà Đ xin ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về con chung: Có 02 con tên Phạm Thị Thanh H1, sinh ngày 04/9/2011 và Phạm Duy H2, sinh ngày 22/6/2013. Khi ly hôn bà Đ nuôi 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất về quan hệ hôn nhân, thời gian phát sinh mâu thuẫn như bà Đ trình bày. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay ông T không đồng ý ly hôn với bà Đ.

Về con chung: Có 02 con tên Phạm Thị Thanh H1, sinh ngày 04/9/2011 và Phạm Duy H2, sinh ngày 22/6/2013. Do không đồng ý ly hôn nên ông T không có ý kiến về con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông T vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt theo quy định nên đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về con chung: Giao bà Đ nuôi con tên Phạm Thị Thanh H1, sinh ngày 04/9/2011 và Phạm Duy H2, sinh ngày 22/6/2013, bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không giải quyết.

Về án phí: Đương sự chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Đ có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Phạm Văn T nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T cư trú tại xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Phạm Văn T vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt theo quy định. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Phạm Văn T tự nguyện chung sống với nhau năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L H, huyện Bù Gia Mập, vì vậy hôn nhân giữa bà Đ và ông T là hợp pháp. Tại giấy đăng ký kết hôn ngày 15/12/2011 và giấy khai sinh các con của bà Đ ông T ghi ông Phạm Văn T, sinh năm 1987. Tuy nhiên, hiện nay sổ hộ khẩu, giấy tờ tùy thân ghi năm sinh 1988. Theo xác nhận của Công an xã L, huyện Lộc Ninh: ông Phạm Văn T, sinh năm 1987 và ông Phạm Văn T, sinh năm 1988 là một người.

Theo bà Đ, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và ly thân từ đó đến nay. Nay bà Đ xác định không còn tình cảm với ông T nên vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Ông T cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, trong thời gian sống ly thân không hàn gắn tình cảm được. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông T đã trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Đ được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con tên Phạm Thị Thanh H1, sinh ngày 04/9/2011 và Phạm Duy H2, sinh ngày 22/6/2013. Khi ly hôn các con có nguyện vọng sống với mẹ nên cần giao bà Đ nuôi, bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không giải quyết.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà Đ phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Phạm Văn T.

2. Về con chung: Bà Đ nuôi con tên Phạm Thị Thanh H1, sinh ngày 04/9/2011 và Phạm Duy H2, sinh ngày 22/6/2013, bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Đ chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010353 ngày 16 tháng 3 năm 2023.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kiều Chinh

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- UBND xã L H,
huyện Bù Gia Mập
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ